

Bản án số: 320/2019/HS-ST
Ngày 05-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Quang Độ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Xuân Lập và Bà: Nguyễn Thị Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Minh Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại Phòng xử án Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 351/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo.

Bùi Việt H, sinh năm 1993, tại Thanh Hoá.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn G và bà: Bùi Thị M; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Đầu thú ngày 27/8/2019, hiện đang tạm giam; Có mặt.

- Bị hại:

Anh Trần Văn S, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Tổ 46, khu 5, phường C, TP H – Quảng Ninh

Vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt).

- Người tham gia tố tụng khác.

***. Người làm chứng.**

1. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, Hà Nam.

Vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt (Không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 06/7/2019, bị cáo Bùi Việt H khi đang tham gia thi công xây tại công trường dự án thuộc tổ 44, khu 4, phường C, thành phố H, thì H xin nghỉ và báo với anh Phạm Văn T (là thợ xây cùng trong đội) mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, biển kiểm soát (BKS): 34B2-387.92 của anh Trần Văn S (Trưởng nhóm thợ xây) để lại cho mọi người đi lại để H đi C. Anh T đồng ý và giao chìa khóa xe cho H. Sau khi mượn được xe, H đã nảy sinh ý định cầm cổ để lấy tiền tiêu. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, H điều khiển chiếc xe mô tô trên đến cửa hàng mua bán xe máy Văn T ở tổ 46, khu 5, phường C, thành phố H, tại đây H gặp anh Nguyễn Văn T chủ cửa hàng nói do đang thiếu tiền sửa máy ở công trường nên muốn cầm cổ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, biển kiểm soát 34B2-387.92 lấy 5.000.000đ (Năm triệu đồng), anh T đồng ý, sau đó H đưa cho anh T 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm, và 01 đăng ký xe mô tô mang tên anh Trần Văn Q (em trai anh S) và hẹn thứ hai tuần tới H sẽ đến lấy xe. Sau khi cầm cổ chiếc xe trên H đã ăn tiêu hết số tiền này và đi địa phương khác làm thuê. Anh Trần Văn S đã nhiều lần gọi điện thoại cho H nhưng không được nên anh S đến Công an Thành phố H trình báo. Ngày 27/8/2019, H đến Công an thành phố H đầu thú. Ngày 07/7/2019, Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe mô tô trên cùng giấy tờ xe. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, BKS: 34B2-387.92 cùng một số giấy tờ trong cốp xe gồm: 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm, và 01 đăng ký xe mô tô mang tên anh Trần Văn Q (em trai anh S). Trước khi anh Q đi xuất khẩu lao động nước ngoài đã cho anh S chiếc xe mô tô trên để sử dụng. Ngày 10/9/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại chiếc mô tô cùng một số giấy tờ trên cho anh S.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 138/KLĐG ngày 07 tháng 8 năm 2019, của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, BKS: 34B2-387.92, số máy: JA 36E0418318, số khung: 3633GY004625 đăng ký lần đầu ngày 21/2/2017, tại thời điểm bị xâm hại trị giá: 16.834.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 297/CT-VKS ngày 14/10/2019, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố bị cáo Bùi Việt H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự;

khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Việt H từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Bùi Việt H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự;

Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, BKS: 34B2-387.92 cùng một số giấy tờ trong cốp xe gồm: 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm, và 01 đăng ký xe mô tô mang tên anh Trần Văn Quyết (em trai anh S). Trước khi anh Quyết đi xuất khẩu lao động nước ngoài đã cho anh S chiếc xe mô tô trên để sử dụng. Ngày 10/9/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả chiếc xe mô tô cùng một số giấy tờ trên cho anh S, nên không đề cập.

Đối với anh Nguyễn Văn T là chủ cầm đồ đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên của bị cáo H với số tiền 5.000.000 đồng, số tiền này bị cáo H đã tác động gia đình trả lại anh Nguyễn Văn T, anh T đã nhận đủ 5.000.000 đồng

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H là đúng người, đúng tội; Lời nói sau cùng của bị cáo: Ngoài đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt, bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, phù hợp với các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Bùi Việt H đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và xác định được như sau:

Từ ngày 15/6/2019, bị cáo Bùi Việt H tham gia thi công khoan cọc nhồi tại công trường dự án Khu dân cư đôi Ngân Hàng, thuộc tổ 44, khu 4, phường Cao Thắng, thành phố H, cùng các anh Trần Văn S (Trưởng nhóm), Phạm Văn T, anh Nguyễn Trung Khai. Trong quá trình làm việc anh S có để một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, biển kiểm soát (BKS): 34B2-387.92 cho các anh T, anh Khai và bị cáo H sử dụng chung làm phương tiện đi lại. ngày 05/7/2019 anh S có việc gia đình nên về quê và để lại chiếc xe mô tô cho mọi người cùng dùng

chung, không giao cho ai quản lý, nếu bị mất chiếc xe này anh S cũng tự chịu, không bắt ai phải bồi thường. Khoảng 14 giờ ngày 06/7/2019 (ngày thứ bảy), bị cáo Bùi Việt H khi đang tham gia thi công xây tại công trường, thì H xin nghỉ và báo với anh Phạm Văn T (là thợ cùng trong đội) và mượn chiếc xe mô tô của anh S để đi Cẩm Phả có việc riêng, anh T giao chìa khóa xe cho H. Sau khi mượn được xe và đi Cẩm Phả, đến khoảng 15 giờ cùng ngày do không có tiền để trả nợ và ăn tiêu, bị cáo H đã nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô này để lấy tiền tiêu. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, bị cáo điều khiển xe mô tô trên đèn hiệu sửa xe “Văn T” ở tổ 46, khu 5, phường Cao Thắng, thành phố H, tại đây H gặp anh Nguyễn Văn T chủ cửa hàng và nói do đang thiếu tiền sửa máy ở công trường nên muốn cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, biển kiểm soát 34B2-387.92 lấy 5.000.0000 đồng, anh T đồng ý. Sau đó H đưa cho anh T giấy tờ xe gồm: 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm, và 01 đăng ký xe mô tô mang tên anh Trần Văn Quyết (em trai anh S) và hẹn thứ hai tuần tới H sẽ đến lấy xe. Anh T kiểm tra thấy xe có đầy đủ giấy tờ nên đã đồng ý nhận và đưa cho H số tiền 5.000.000 đồng. Sau khi cầm cố chiếc xe trên H đã ăn tiêu và trả nợ hết số tiền này rồi đi địa phương khác làm thuê. Anh Trần Văn S đã nhiều lần gọi điện thoại cho H nhưng không được nên anh S đến Công an Thành phố H trình báo. Ngày 27/8/2019, H đến Công an thành phố H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 138/KLĐG ngày 07 tháng 8 năm 2019, của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, BKS: 34B2-387.92, số máy: JA 36E0418318, số khung: 3633GY004625 đăng ký lần đầu ngày 21/2/2017, tại thời điểm bị xâm hại trị giá: 16.834.000 đồng

Lời khai nhận tội của bị cáo còn được chứng minh tại các lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T, người làm chứng anh Phạm Văn T, anh Nguyễn Trung Khai, phù hợp với bản kết luận định giá tài sản, và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, với các chứng cứ nêu trên đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ, ngày 06/7/2019, tại tổ 46, khu 5, phường Cao Thắng, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, bị cáo Bùi Việt H có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, BKS: 34B2-387.92 của anh Trần Văn S trị giá 16.834.000 đồng. Hành vi này của bị cáo Bùi Việt H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội thì hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi này đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản; gây mất an ninh trật tự trị an ở địa phương nói riêng, trật tự xã hội nói chung, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để răn đe và phòng ngừa chung.

4. Tuy nhiên cũng cần phải xét xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy:

4.1. Về tình tiết tăng nặng: Không có.

4.2. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã khắc phục hậu quả do mình gây ra; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đầu thú và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tương ứng được quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo, có nơi cư trú rõ ràng, nhiều tình tiết giảm nhẹ, xét thấy không cần thiết buộc bị cáo phải cách ly xã hội, mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng trở thành người có ích cho xã hội và cũng không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, lẽ ra bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên không có khả năng thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng và bồi thường: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, BKS: 34B2-387.92 cùng một số giấy tờ: 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm; 01 đăng ký xe mô tô mang tên anh Trần Văn Quyết (em trai anh S). Trước khi anh Quyết đi xuất khẩu lao động nước ngoài đã cho anh S chiếc xe mô tô trên để sử dụng. Ngày 10/9/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại chiếc mô tô cùng một số giấy tờ trên cho anh S, anh S không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với anh Nguyễn Văn T là chủ cầm đồ đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên của bị cáo H với số tiền 5.000.000 đồng, số tiền này bị cáo H đã tác động gia đình trả lại anh Nguyễn Văn T, anh T đã nhận đủ 5.000.000 đồng và không yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử cũng không xét.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử thấy đề nghị này phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Bùi Việt H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; điểm d khoản 1 Điều 125;

khoản 4 Điều 328; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Bùi Việt H 09 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Bùi Việt H, nếu bị cáo Bùi Việt H không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Bùi Việt H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Bùi Việt H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Hủy biện pháp ngăn chặn là Quyết định tạm giam số 290/2019/HSST-QĐTG ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H đối với bị cáo Bùi Việt H.

Về án phí: Buộc bị cáo Bùi Việt H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, Bị hại; Người có QLNVLQ;
- VKSNDTPHL, Công an TP H;
- VKSND; TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Độ